



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.43.7544196 - Fax: 84.43.8361197
Website: www.ibst.vn - Email: vkhcnxd@fpt.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY **CERTIFICATE OF CONFORMITY**



Số/No: 395-5/2025VKH

Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:

Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men/ Glazed dry-pressed ceramic tiles

(Danh mục sản phẩm được chứng nhận theo phụ lục đính kèm/ List of certified products attached at index)

Nhà máy sản xuất/ Manufacturer: COOPERATIVA CERAMICA D'IMOLA S.C.

Địa điểm sản xuất/ Manufacturing address: IT - 40026 IMOLA (BO) - VIA VITTORIO VENETO 13

Đơn vị nhập khẩu/Importer: Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt

VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ/ Address

778k/2 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

778k/2 Nguyen Kiem Street, Duc Nhuan Ward, Hochiminh City, Vietnam

Phù hợp với/ Conforms to:

Mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD/ Item III.1, table 1, QCVN 16:2023/BXD

Phương thức chứng nhận/ Certification method: Phương thức 5/ Method 5

Hiệu lực/Validity: Giấy chứng nhận có giá trị/ This certificate is valid:

từ ngày 01 tháng 06 năm 2026 đến ngày 31 tháng 05 năm 2029/ from June 1st 2026 to May 31st 2029

(Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các đợt đánh giá giám sát của IBST 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm/ This certificate will maintains valid if 12-month surveillance audits are performed by IBST twice in three years)



Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2026
Hanoi, June 1st 2026

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

On behalf of Director of Institute
Vice Director



Đinh Quốc Dân

PHỤ LỤC INDEX

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-5/2025VKH, ban hành ngày 01/06/2026
(Attached to Certificate No. 395-5/2025VKH, dated 01/06/2026))

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Nhãn hiệu hàng hóa/ <i>Brand</i> ⁽¹⁾	Mã HS <i>HS code</i> ⁽¹⁾
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	2780x1200x6,5		69072193
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x600x10		69072193
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x600x6,5		69072193
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	600x600x10		69072193
5.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	600x600x9		69072193
6.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1500x750x10		69072193
7.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1800x900x10		69072193
8.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	900x900x10		69072193

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-5/2025VKH, ban hành ngày 01/06/2026
(Attached to Certificate No. 395-5/2025VKH, dated 01/06/2026))

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Mã/code ⁽¹⁾
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	2780 x 1200 x 6,5	Nhóm 2: 188122 Nhóm 3: 192108 192110 192112 192107 Nhóm 4: 188065
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	1200 x 600 x 10	Nhóm 1: 192225 192228 192227 192226 Nhóm 2: 170883 Nhóm 3: 193666
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	1200 x 600 x 6,5	Nhóm 1: 180050 Nhóm 2: 187812 187814 Nhóm 3: 180046 180047
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	600 x 600 x 10	Nhóm 2: 178658 Nhóm 3: 192281 159223 159225
5.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	600 x 600 x 9	Nhóm 3: 166388 166386 166387 166385
6.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	1500 x 750 x 10	Nhóm 3: 178742 178743 179313

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Mã/code ⁽¹⁾
7.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1800 x 900 x 10	Nhóm 4: 171691
8.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	900 x 900 x 10	Nhóm 4: 171695

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*